

# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



**EY**

Building a better  
working world

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 33

# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNĐKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 6 tháng 9 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 26 tháng 5 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 2 tháng 7 năm 2014

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 Đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trại giống cây trồng Lâm Hà, trại giống cây trồng Tân Hiệp và trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam, các chi nhánh tại Hà Nội, Tây Nguyên, Miền Trung, Trà Vinh và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Lệ Hằng	Chủ tịch
Bà Trần Kim Liên	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thế Tý	Trưởng ban
Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hòa	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hàng Phi Quang.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Giồng Cây Trồng Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giồng Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Hàng Phi Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



**Building a better  
working world**

Số tham chiếu: 61000411/18590853/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 12 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 0426-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>385.528.744.614</b>	<b>365.807.120.373</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>76.723.280.783</b>	<b>22.150.190.542</b>
111	1. Tiền		12.192.789.913	18.150.190.542
112	2. Các khoản tương đương tiền		64.530.490.870	4.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>98.274.514.761</b>	<b>112.874.743.744</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	72.562.441.927	93.941.475.396
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	8.032.924.665	6.358.082.834
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.324.287.000	1.324.287.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	21.053.002.853	15.434.972.275
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6, 7	(4.742.172.810)	(4.228.104.888)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		44.031.126	44.031.127
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>205.422.622.161</b>	<b>226.212.445.229</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	207.447.903.985	236.848.957.578
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(2.025.281.824)	(10.636.512.349)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.108.326.909</b>	<b>4.569.740.858</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	914.194.287	896.394.913
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	3.313.626.900	3.535.367.022
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	880.505.722	137.978.923
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>127.597.403.741</b>	<b>131.550.238.113</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>95.149.379.402</b>	<b>100.329.035.274</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	55.737.209.381	60.979.830.936
222	Nguyên giá		121.989.734.318	121.812.490.518
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(66.252.524.937)	(60.832.659.582)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	39.412.170.021	39.349.204.338
228	Nguyên giá		43.967.859.233	43.592.859.233
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.555.689.212)	(4.243.654.895)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>12.144.885.972</b>	<b>12.144.885.972</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	12.144.885.972	12.144.885.972
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>3.542.366.376</b>	<b>3.913.744.211</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		7.549.764.000	7.549.764.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.007.397.624)	(3.636.019.789)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>16.760.771.991</b>	<b>15.162.572.656</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	15.348.193.433	11.581.691.640
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.412.578.558	3.580.881.016
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>513.126.148.355</b>	<b>497.357.358.486</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>168.157.319.939</b>	<b>140.183.761.346</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>167.043.074.383</b>	<b>139.106.384.415</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	17.699.178.230	19.082.170.112
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	4.581.509.861	1.923.858.660
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.055.524.442	1.330.008.440
314	4. Phải trả người lao động		70.712.569	155.231.297
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.620.366.519	4.597.026.720
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	41.864.544.695	7.068.390.790
320	7. Vay ngắn hạn	19	93.310.382.798	100.348.260.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	5.840.855.269	4.601.438.396
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.114.245.556</b>	<b>1.077.376.931</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		1.114.245.556	1.077.376.931
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>344.968.828.416</b>	<b>357.173.597.140</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>344.968.828.416</b>	<b>357.173.597.140</b>
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.520.414.412
415	3. Cổ phiếu quỹ		(817.291.640)	(817.291.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		106.156.871.354	99.385.502.276
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		81.185.164.290	100.161.302.092
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		59.298.625.170	55.018.841.569
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		21.886.539.120	45.142.460.523
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>513.126.148.355</b>	<b>497.357.358.486</b>

Lê Quang Hồng  
Người lập

Lê Tôn Hùng  
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	258.142.771.493	328.715.746.201
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(34.427.436.606)	(40.336.106.929)
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	223.715.334.887	288.379.639.272
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(159.851.808.354)	(200.592.718.798)
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.863.526.533	87.786.920.474
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	1.205.736.686	678.386.614
22	7. Chi phí tài chính	22	(3.602.385.982)	(1.184.519.613)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(2.823.783.064)	(1.417.806.836)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(18.474.507.124)	(24.121.778.040)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(17.948.535.757)	(20.772.283.942)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.043.834.356	42.386.725.493
31	11. Thu nhập khác	25	18.596.646	4.005.512.000
40	12. Lợi nhuận khác	25	18.596.646	4.005.512.000
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.062.431.002	46.392.237.493
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(1.007.589.424)	(10.480.724.336)
52	15. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	(2.168.302.458)	948.477.950
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		21.886.539.120	36.859.991.107



Lê Quang Hồng  
Người lập



Lê Tôn Hùng  
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>25.062.431.002</b>	<b>46.392.237.493</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	5.731.899.672	5.327.071.542
03	Các khoản (hoàn nhập) dự phòng		(7.725.784.768)	4.044.544.435
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(29.638.563)	79.567.028
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(769.022.813)	(574.759.639)
06	Chi phí lãi vay	22	2.823.783.064	1.417.806.836
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>25.093.667.594</b>	<b>56.686.467.695</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		13.565.374.384	(6.672.348.382)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		29.401.053.593	(142.725.222.042)
11	Tăng các khoản phải trả		3.456.304.669	31.317.933.857
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(3.784.301.167)	1.144.429.863
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.425.979.882)	(1.417.806.836)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(1.178.539.598)	(2.106.912.111)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.733.391.163)	(2.039.453.245)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>61.394.188.430</b>	<b>(65.812.911.201)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(552.243.800)	(5.360.672.367)
27	Tiền lãi đã nhận		769.022.813	465.198.608
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>216.779.013</b>	<b>(4.895.473.759)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		93.310.382.798	146.548.180.444
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(100.348.260.000)	(72.023.097.600)
36	Cổ tức đã trả	20.2	-	(14.884.890.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(7.037.877.202)</b>	<b>59.640.192.844</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		54.573.090.241	(11.068.192.116)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		22.150.190.542	66.876.258.657
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	76.723.280.783	55.808.066.541



Lê Quang Hồng  
Người lập



Lê Tôn Hùng  
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNĐKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 6 tháng 9 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 26 tháng 5 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 2 tháng 7 năm 2014

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 Đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trại giống cây trồng Lâm Hà, trại giống cây trồng Tân Hiệp và trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam, các chi nhánh tại Hà Nội, Tây Nguyên, Miền Trung, Trà Vinh và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 326 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 344 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền cụ dụng cụ

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 - 49 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Bản quyền	10 - 20 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

#### 3.7 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.10 *Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào các công ty con theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.11 *Các khoản phải trả và trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 *Dự phòng*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán sáu tháng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	353.879.345	379.954.608
Tiền gửi ngân hàng	11.838.910.568	17.770.235.934
Các khoản tương đương tiền	64.530.490.870	4.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>76.723.280.783</u></b>	<b><u>22.150.190.542</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba tháng, và hưởng lãi suất ngân hàng có thể áp dụng.

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu từ bên khác	63.694.811.601	80.286.690.570
Đại lý Nguyễn Văn Ka	10.185.389.865	1.341.723.365
Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	23.379.275.000
Các khách hàng khác	53.509.421.736	55.565.692.205
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	8.867.630.326	13.654.784.826
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>72.562.441.927</u></b>	<b><u>93.941.475.396</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.149.697.113)	(2.635.629.191)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>69.412.744.814</u></b>	<b><u>91.305.846.205</u></b>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho bên khác	<u>8.032.924.665</u>	<u>6.358.082.834</u>

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.124.287.000	1.124.287.000
Cho cán bộ công nhân viên vay	200.000.000	200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.324.287.000</u></b>	<b><u>1.324.287.000</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.124.287.000)	(1.124.287.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>200.000.000</u></b>	<b><u>200.000.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tạm ứng tiền lương và thưởng	5.328.869.426	1.605.798.121
Tạm ứng cho nhân viên	4.057.348.643	2.162.285.598
Dự án nghiên cứu chất lượng giống lúa lai xuất khẩu phải thu từ Nhà nước	3.564.518.597	1.994.579.502
Tạm ứng cho nông dân	2.688.311.260	2.808.788.509
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.963.350.121	2.857.552.000
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	468.188.697	468.188.697
Phải thu ngắn hạn khác	2.982.416.109	3.537.779.848
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.053.002.853</b>	<b>15.434.972.275</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(468.188.697)	(468.188.697)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>20.584.814.156</b>	<b>14.966.783.578</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	133.707.166.877	-	136.698.877.233	(2.951.796.840)
Thành phẩm	46.857.498.071	-	51.801.134.395	(430.051.444)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.136.724.207	-	11.849.144.746	-
Hàng hóa	9.879.647.614	(2.025.281.824)	34.857.001.204	(7.254.664.065)
Công cụ, dụng cụ	1.744.072.956	-	1.640.802.566	-
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.172.195	-
Hàng gửi đi bán	122.794.260	-	825.239	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>207.447.903.985</b>	<b>(2.025.281.824)</b>	<b>236.848.957.578</b>	<b>(10.636.512.349)</b>

*Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	(10.636.512.349)	(3.443.148.423)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	(2.025.281.824)	(8.129.300.287)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	10.636.512.349	3.443.148.423
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(2.025.281.824)</b>	<b>(8.129.300.287)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

					VND
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	74.813.281.368	27.460.824.340	16.592.474.991	2.945.909.819	121.812.490.518
Mua mới trong kỳ	-	-	-	177.243.800	177.243.800
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>74.813.281.368</u>	<u>27.460.824.340</u>	<u>16.592.474.991</u>	<u>3.123.153.619</u>	<u>121.989.734.318</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>16.508.215.844</i>	<i>7.614.780.218</i>	<i>5.918.523.456</i>	<i>521.755.792</i>	<i>30.563.275.310</i>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(33.188.197.670)	(15.036.318.351)	(11.181.233.397)	(1.426.910.164)	(60.832.659.582)
Khấu hao trong kỳ	(2.842.583.277)	(1.524.823.935)	(830.062.281)	(222.395.862)	(5.419.865.355)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(36.030.780.947)</u>	<u>(16.561.142.286)</u>	<u>(12.011.295.678)</u>	<u>(1.649.306.026)</u>	<u>(66.252.524.937)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>41.625.083.698</u>	<u>12.424.505.989</u>	<u>5.411.241.594</u>	<u>1.518.999.655</u>	<u>60.979.830.936</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>38.782.500.421</u>	<u>10.899.682.054</u>	<u>4.581.179.313</u>	<u>1.473.847.593</u>	<u>55.737.209.381</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Bản quyền</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	40.684.335.409	683.523.824	2.225.000.000	43.592.859.233
Mua mới trong kỳ	-	-	375.000.000	375.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>40.684.335.409</u>	<u>683.523.824</u>	<u>2.600.000.000</u>	<u>43.967.859.233</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	446.302.520	-	254.663.824	700.966.344
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(3.840.733.983)	(364.795.913)	(38.124.999)	(4.243.654.895)
Hao mòn trong kỳ	(149.950.150)	(71.771.667)	(90.312.500)	(312.034.317)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(3.990.684.133)</u>	<u>(436.567.580)</u>	<u>(128.437.499)</u>	<u>(4.555.689.212)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>36.843.601.426</u>	<u>318.727.911</u>	<u>2.186.875.001</u>	<u>39.349.204.338</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>36.693.651.276</u>	<u>246.956.244</u>	<u>2.471.562.501</u>	<u>39.412.170.021</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Quyền sử dụng đất	11.903.862.672	11.903.862.672
Khác	241.023.300	241.023.300
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.144.885.972</u></b>	<b><u>12.144.885.972</u></b>

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư vào các công ty con	7.549.764.000	7.549.764.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(4.007.397.624)	(3.636.019.789)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.542.366.376</u></b>	<b><u>3.913.744.211</u></b>

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	%	Giá trị	%	Giá trị
	sở hữu	(VND)	sở hữu	(VND)
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An	70,00	4.200.000.000	70,00	4.200.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	83,74	3.349.764.000	83,74	3.349.764.000
		<b><u>7.549.764.000</u></b>		<b><u>7.549.764.000</u></b>

**Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nam An (“NAS”)**

NAS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 270300045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 21 tháng 1 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của NAS tại Xã Diễn Thịnh, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của NAS là mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp, và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.

**Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam (“SSE”)**

SSE là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309966504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 4 năm 2010 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của SSE tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của SSE theo GCNĐKKD là sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

Hiện tại, SSE đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ cần thiết để xin phá sản theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>	<b>914.194.287</b>	<b>896.394.913</b>
Chi phí sửa chữa, cải tạo	397.655.618	623.704.875
Công cụ, dụng cụ	169.412.116	234.645.931
Khác	347.126.553	38.044.107
<b>Dài hạn</b>	<b>15.348.193.433</b>	<b>11.581.691.640</b>
Chi phí nghiên cứu giống	9.329.781.913	6.110.345.871
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.522.025.616	2.339.920.649
Công cụ, dụng cụ	761.024.012	479.073.416
Tiền thuê đất	305.134.287	1.017.114.294
Khác	2.430.227.605	1.635.237.410
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.262.387.720</b>	<b>12.478.086.553</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả bên khác	17.697.939.230	19.080.931.112
<i>Sichuan Longping High-tech Co.,Ltd</i>	5.225.528.200	8.864.583.300
<i>Sichuan Nongda High-tech Co.,Ltd</i>	3.167.436.084	4.676.225.297
<i>Forward International Co., Ltd</i>	2.191.300.000	-
<i>Nongwoo Bio Co., Ltd</i>	1.356.126.000	349.370.000
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	5.757.548.946	5.190.752.515
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 27</i> )	1.239.000	1.239.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.699.178.230</b>	<b>19.082.170.112</b>

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả bên khác		
<i>Công ty TNHH An Huy B.T</i>	2.100.060.000	-
<i>Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</i>	1.431.183.000	-
<i>Khác</i>	1.050.266.861	1.923.858.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.581.509.861</b>	<b>1.923.858.660</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải trả trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	4.479.819	104.009.692	105.386.093	3.103.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 26.2)	1.178.539.598	1.007.589.424	1.178.539.598	1.007.589.424
Thuế thu nhập cá nhân	146.989.023	436.218.793	538.376.216	44.831.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.330.008.440</u></b>	<b><u>1.547.817.909</u></b>	<b><u>1.822.301.907</u></b>	<b><u>1.055.524.442</u></b>

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải thu trong kỳ	Số đã cân trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.535.367.022	330.531.285	552.271.407	3.313.626.900
Các loại thuế khác	137.978.923	1.073.132.914	330.606.115	880.505.722
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.673.345.945</u></b>	<b><u>1.403.664.199</u></b>	<b><u>882.877.522</u></b>	<b><u>4.194.132.622</u></b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Chi phí lãi vay	628.144.321	230.341.139
Hỗ trợ phí chuyển tiền	209.420.848	692.136.586
Chi phí vận chuyển	-	1.180.569.352
Khác	1.782.801.350	2.493.979.643
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.620.366.519</u></b>	<b><u>4.597.026.720</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cổ tức phải trả	30.673.111.500	688.377.500
Tạm ứng từ Quỹ Thách thức Doanh nghiệp Việt Nam ("VBCF")	2.993.807.444	1.416.604.000
Tiền thuê đất	2.233.573.424	784.490.336
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	780.982.581	139.720.553
Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	604.187.464	470.421.656
Kinh phí công đoàn	143.932.965	140.108.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.434.949.317	3.428.668.745
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.864.544.695</u></b>	<b><u>7.068.390.790</u></b>

**18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	4.601.438.396	6.259.696.020
Trích lập quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 20.1)	4.106.573.844	2.222.653.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	<u>(2.867.156.971)</u>	<u>(2.565.134.098)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>5.840.855.269</u></b>	<b><u>5.917.214.922</u></b>

# Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

## 19. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Trả trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vay ngắn hạn ngân hàng	100.348.260.000	93.310.382.798	100.348.260.000	93.310.382.798

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	26.746.356.869	Từ ngày 1 tháng 8 năm 2016 đến ngày 16 tháng 12 năm 2016	5,0
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	53.622.028.026	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2016 đến ngày 7 tháng 12 năm 2016	Từ 4,6 đến 5
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	12.941.997.903	Từ ngày 16 tháng 11 năm 2016 đến ngày 17 tháng 12 năm 2016	Từ 4,6 đến 5,05
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>93.310.382.798</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>VND</i>						
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015:</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	100.379.768.414	109.395.777.660	367.402.338.846
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	36.859.991.107	36.859.991.107
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	(994.266.138)	994.266.138	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.222.653.000)	(2.222.653.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(44.977.101.000)	(44.977.101.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>149.923.670.000</u>	<u>8.520.414.412</u>	<u>(817.291.640)</u>	<u>99.385.502.276</u>	<u>100.050.280.905</u>	<u>357.062.575.953</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	99.385.502.276	100.161.302.092	357.173.597.140
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	21.886.539.120	21.886.539.120
Trích lập quỹ	-	-	-	6.771.369.078	(6.771.369.078)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.106.573.844)	(4.106.573.844)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(29.984.734.000)	(29.984.734.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>149.923.670.000</u>	<u>8.520.414.412</u>	<u>(817.291.640)</u>	<u>106.156.871.354</u>	<u>81.185.164.290</u>	<u>344.968.828.416</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>149.923.670.000</u>	<u>149.923.670.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố	29.984.734.000	44.977.101.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	-	14.884.890.000

**20.3 Vốn cổ phần**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cổ phiếu Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Cổ phiếu được phép phát hành	14.992.367	14.992.367
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.992.367	14.992.367
Cổ phiếu quỹ	(61.412)	(61.412)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.930.955	14.930.955

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>258.142.771.493</b>	<b>328.715.746.201</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	210.934.892.395	249.811.856.586
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	44.417.593.726	78.897.753.253
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.790.285.372	6.136.362
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>(34.427.436.606)</b>	<b>(40.336.106.929)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(20.788.459.209)	(27.253.686.963)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(12.611.369.797)	(12.162.500.266)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(1.027.607.600)	(919.919.700)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>223.715.334.887</u></b>	<b><u>288.379.639.272</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	216.161.192.887	275.571.699.772
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	7.554.142.000	12.807.939.500

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi tiền gửi	769.022.813	574.759.639
Lãi chênh lệch tỷ giá	436.713.873	103.626.975
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.205.736.686</u></b>	<b><u>678.386.614</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Chi phí lãi vay	2.823.783.064	1.417.806.836
Hỗ trợ phí chuyển tiền	377.586.520	-
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	371.377.835	(322.942.451)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	29.638.563	89.655.228
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.602.385.982</u></b>	<b><u>1.184.519.613</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>18.474.507.124</b>	<b>24.121.778.040</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.248.214.230	7.085.577.883
Chi phí nhân viên	2.727.381.873	4.607.978.157
Chi phí nguyên vật liệu	630.104.085	885.751.261
Chi phí khấu hao và hao mòn	93.073.560	114.918.889
Chi phí khác	7.775.733.376	11.427.551.850
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>17.948.535.757</b>	<b>20.772.283.942</b>
Chi phí nhân viên	7.757.859.848	10.189.355.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.403.042.196	3.955.400.641
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.251.147.701	811.149.004
Chi phí nguyên vật liệu	507.832.654	810.959.798
Chi phí khác	5.028.653.358	5.005.419.498
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>36.423.042.881</u></b>	<b><u>44.894.061.982</u></b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên vật liệu	154.420.049.080	195.359.978.321
Chi phí nhân viên	26.836.921.100	31.751.531.562
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	5.731.899.672	5.327.071.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.923.516.772	12.567.388.815
Chi phí khác	14.565.801.767	21.976.160.619
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>216.478.188.391</u></b>	<b><u>266.982.130.859</u></b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Nhận hỗ trợ từ quỹ VBCF	-	3.941.512.000
Thu nhập khác	18.596.646	64.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>18.596.646</u></b>	<b><u>4.005.512.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% (2015: 22%) trên tổng thu nhập chịu thuế.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận số 08/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận Công ty là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo.

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không thỏa mãn điều kiện miễn, giảm thuế nói trên nên đã áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%. Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty thỏa mãn điều kiện miễn, giảm thuế nên đã áp dụng thuế suất ưu đãi nêu trên.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thuế TNDN hiện hành	1.007.589.424	10.480.724.336
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	2.168.302.458	(948.477.950)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.175.891.882</u></b>	<b><u>9.532.246.386</u></b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**26.2 Thuế TNDN hiện hành** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

	<u>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</u>			VND
	<i>Hoạt động khoa học và công nghệ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh</i>	<i>Tổng cộng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>26.594.326.708</b>	<b>(1.531.895.706)</b>	<b>25.062.431.002</b>	<b>46.392.237.493</b>
<b>Các điều chỉnh:</b>				
Thay đổi chi phí phải trả	(2.359.312.440)	(2.588.698.706)	(4.948.011.146)	1.203.383.067
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	181.040.497	(144.171.872)	36.868.625	(10.154.000)
Chi phí không được khấu trừ	332.396	167.604	500.000	54.189.515
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ</b>	<b>24.416.387.161</b>	<b>(4.264.598.680)</b>	<b>20.151.788.481</b>	<b>47.639.656.075</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>			<b>1.007.589.424</b>	<b>10.480.724.336</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ			1.178.539.598	915.867.424
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ			(1.178.539.598)	(2.106.912.111)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>			<b>1.007.589.424</b>	<b>9.289.679.649</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**26.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.300.840.687	3.365.405.629	(2.064.564.942)	863.609.848
Trợ cấp thôi việc phải trả	111.737.871	215.475.387	(103.737.516)	84.868.102
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>1.412.578.558</b>	<b>3.580.881.016</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(2.168.302.458)</b>	<b>948.477.950</b>

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ trọng yếu của công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An	Công ty con	Bán hàng hóa	8.043.250.000	20.799.935.500
		Hàng bán bị trả lại	489.108.000	7.991.996.000
		Chiết khấu bán hàng	227.245.400	1.093.592.900

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thoả thuận theo hợp đồng.

Chi tiết tiền lương và các chi phí liên quan của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và các chi phí liên quan	771.599.994	751.630.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu, phải trả từ các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Giá trị	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</b>				
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An	Công ty con	Bán hàng hóa	<u>8.867.630.326</u>	<u>13.654.784.826</u>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Cho vay	<u>1.124.287.000</u>	<u>1.124.287.000</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Thu nhập lãi	<u>468.188.697</u>	<u>468.188.697</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</b>				
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Mua tài sản cố định	<u>1.239.000</u>	<u>1.239.000</u>

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dưới 1 năm	<u>712.350.000</u>	<u>1.430.000.000</u>

**29. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	349.750.544
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.685	14.198
- Euro (EUR)	749	1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lê Quang Hồng  
Người lập



Lê Tôn Hùng  
Kế toán trưởng

  
Hàng Phi Quang  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016